

Số: 09/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015

BỘ CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 8 ...
	Ngày: ... 11/12/16 ...

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa

Căn cứ Luật di sản văn hoá số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa

Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa bao gồm:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Di sản viên hạng II | Mã số: V.10.05.16 |
| 2. Di sản viên hạng III | Mã số: V.10.05.17 |
| 3. Di sản viên hạng IV | Mã số: V.10.05.18 |

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành di sản văn hóa

1. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật, luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam.

3. Trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Di sản viên hạng II - Mã số: V.10.05.16

1. Nhiệm vụ:

a) Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án của đơn vị về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tham gia kiểm kê, tư liệu hoá di sản văn hoá phi vật thể;

b) Tham gia tổng kết đánh giá, đúc kết kinh nghiệm và đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện quy trình, quy phạm về các mặt hoạt động nghiệp vụ, kỹ thuật bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

c) Xây dựng đề cương trưng bày giới thiệu di sản văn hoá, phương án bảo tồn di tích, tổ chức triển khai và thực hiện trưng bày các chủ đề trọng tâm của bảo tàng đảm bảo quy trình, nội dung khoa học và chủ đề tư tưởng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục tại bảo tàng, di tích; trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền đối với các đối tượng nghiên cứu, tham quan có yêu cầu nghiệp vụ chuyên sâu;

đ) Xây dựng nội dung chương trình và tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ cho ngạch viên chức hạng dưới;

e) Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành, cấp tỉnh về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành di sản văn hoá;

b) Có trình độ ngoại ngữ từ Bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh di sản viên hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

b) Có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

c) Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề thuộc phạm vi quản lý;

d) Chủ trì hoặc tham gia ít nhất một đề án, dự án hoặc đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành, cấp tỉnh đã được nghiệm thu xếp loại đạt trở lên hoặc được đưa vào áp dụng.

4. Việc thăng hạng chức danh di sản viên hạng II:

Viên chức thăng hạng từ chức danh di sản viên hạng III lên chức danh di sản viên hạng II phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và có thời gian công tác giữ chức danh di sản viên hạng III hoặc tương đương đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh di sản viên hạng III tối thiểu đủ 02 (hai) năm.

Điều 5. Di sản viên hạng III - Mã số: V.10.05.17

1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng hồ sơ hiện vật, hồ sơ di tích, hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đạt các tiêu chuẩn khoa học; phân tích, xác định sơ bộ giá trị của hiện vật, di tích, di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các kết luận khoa học đã được chính thức công nhận để chuẩn bị cho việc xét quyết định nhập hiện vật vào kho bảo quản hoặc đăng ký hiện vật vào sổ kiểm kê bước đầu; lập danh mục và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể;

b) Tham gia xây dựng các đề cương trưng bày giới thiệu di sản văn hóa; phương án tu bổ, tôn tạo di tích và xây dựng mới, sửa chữa bảo tàng;

c) Tham gia xây dựng nội dung và thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục tại bảo tàng, di tích;

d) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hiện vật, đề xuất kế hoạch bảo quản, tu bổ, sắp xếp hiện vật trong kho bảo quản theo hệ thống đúng quy định;

đ) Tham gia xây dựng nội dung chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cho ngạch viên chức hạng dưới;

e) Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

g) Tham gia xây dựng đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành di sản văn hoá;

b) Có trình độ ngoại ngữ từ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh di sản viên hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

b) Có kiến thức về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;

c) Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề thuộc phạm vi quản lý.

4. Việc thăng hạng chức danh di sản viên hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh di sản viên hạng IV lên chức danh di sản viên hạng III phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và có thời gian công tác giữ chức danh di sản viên hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm đối với trình độ cao đẳng hoặc tối thiểu đủ 03 (ba) năm đối với trình độ trung cấp.

Điều 6. Di sản viên hạng IV - Mã số: V.10.05.18

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thường xuyên tại đơn vị, có khả năng tham gia xây dựng hồ sơ di tích, hiện vật, di sản văn hoá vật thể, các hoạt động như: bảo quản hiện vật, vẽ kỹ thuật về di tích, hiện vật, dập văn bia, quay phim, chụp ảnh phục vụ tư liệu hoá di sản văn hoá góp phần nhận diện di sản văn hoá;

b) Tiếp nhận và thực hiện những chỉ dẫn kỹ thuật của viên chức kỹ thuật chuyên ngành;

c) Thực hiện tốt phương án tu sửa hiện vật được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên phù hợp với chuyên ngành di sản văn hoá.

b) Có trình độ ngoại ngữ từ Bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được những quy định của pháp luật về việc bảo vệ hiện vật tại bảo tàng, di tích;

b) Có khả năng tiếp nhận và thực hiện hướng dẫn kỹ thuật về công tác bảo vệ hiện vật tại bảo tàng, di tích;

c) Có kiến thức về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Chương III

BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa phải căn cứ vào vị trí việc làm, nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 8. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức chuyên ngành bảo tàng theo quy định tại Quyết định số 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành Văn hóa - Thông tin, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hoá quy định tại Thông tư liên tịch này, như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II (mã số V.10.05.16) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch Bảo tàng viên chính (mã số 17.165).
2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch Bảo tàng viên (mã số 17.166).
3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV (mã số V.10.05.18) đối với viên chức hiện đang giữ ngạch kỹ thuật viên bảo tàng (mã số 17.167).

Điều 9. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hoá quy định tại Thông tư liên tịch này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau:

- a) Chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 2 (A2.2), từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38;
- b) Chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;
- c) Chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Xếp lương khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp:

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

- a) Trường hợp có trình độ đào tạo tiến sĩ, có chuyên ngành đào tạo phù hợp ngành di sản văn hoá thì được xếp bậc 3, hệ số lương 3,00 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17);

b) Trường hợp có trình độ đào tạo thạc sĩ, có chuyên ngành đào tạo phù hợp ngành di sản văn hoá thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17);

c) Trường hợp có trình độ đào tạo đại học phù hợp chuyên ngành di sản văn hoá thì được xếp bậc 1, hệ số lương 2,34 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17);

d) Trường hợp có trình độ đào tạo cao đẳng phù hợp chuyên ngành di sản văn hoá thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,06 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV (mã số V.10.05.18);

đ) Trường hợp có trình độ đào tạo trung cấp phù hợp với chuyên ngành di sản văn hoá thì được xếp bậc 1, hệ số lương 1,86 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV (mã số V.10.05.18).

3. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch viên chức chuyên ngành bảo tàng theo quy định tại Quyết định số 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành Văn hóa - Thông tin, Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và ngạch viên chức, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hoá có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A đã bổ nhiệm và xếp ngạch bảo tàng viên (mã ngạch 17.166), bậc 4, hệ số lương 3,33 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Nay đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17) thì xếp bậc 4, hệ số lương 3,33 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

b) Trường hợp viên chức có trình độ cao đẳng chuyên ngành di sản văn hoá khi tuyển dụng đã được xếp lương ở viên chức loại A0 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV (mã số V.10.05.18) thì việc xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự) như sau:

Tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV, cứ sau thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) được xếp lên 01 bậc lương (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn). Trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên.

Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV nêu trên, nếu hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn hệ số lương đã hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B, có trình độ cao đẳng chuyên ngành di sản văn hoá được tuyển dụng vào làm viên chức tại Bảo tàng A, đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 01 tháng 6 năm 2005 và đã xếp bậc 4, hệ số lương 3,03 của viên chức loại A0 kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014, trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV (mã số V.10.05.18) thì việc xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV như sau:

Thời gian công tác của ông Nguyễn Văn B từ ngày 01 tháng 6 năm 2005, trừ thời gian tập sự 06 tháng, tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV và cứ 02 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 12 năm 2013, ông Nguyễn Văn B được xếp vào bậc 6, hệ số lương 2,86 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV; thời gian hưởng bậc lương mới ở chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2013; đồng thời hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,17 (3,03 - 2,86).

Đến ngày 01 tháng 12 năm 2015 (đủ 02 năm), ông Nguyễn Văn B đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên lên bậc 7, hệ số lương 3,06 của chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV và tiếp tục được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,17 (tổng hệ số lương được hưởng là 3,23).

4. Việc thăng hạng viên chức chuyên ngành di sản văn hóa được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa quy định tại Thông tư liên tịch này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2016.
2. Bãi bỏ các quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức, viên chức chuyên ngành bảo tàng quy định tại Quyết định số 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và danh mục các ngạch viên chức chuyên ngành bảo tàng ban hành kèm theo Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư liên tịch này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức chuyên ngành di sản văn hóa đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Các cơ sở, tổ chức, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập có thể vận dụng quy định tại Thông tư liên tịch này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ người làm việc về chuyên ngành di sản văn hóa.
3. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức chuyên ngành bảo tàng theo quy định tại Quyết định số 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành Văn hóa - Thông tin nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa quy định tại Thông tư liên tịch này, thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp di sản văn hóa được bổ nhiệm.
4. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý và sử dụng viên chức có trách nhiệm:
 - a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành di sản văn hóa thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;
 - b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành di sản văn hóa tương ứng trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:
 - a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang các chức danh nghề nghiệp chuyên ngành di sản văn hóa tương ứng quy định tại Thông tư liên tịch này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa thuộc diện quản lý vào các chức danh chuyên ngành di sản văn hóa tương ứng trong các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

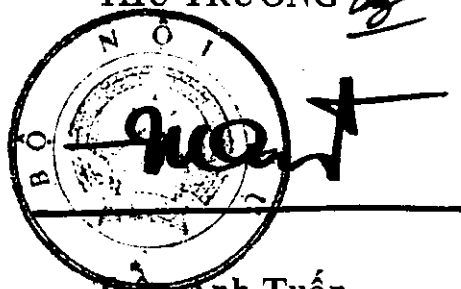
d) Hàng năm, báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỦ TRƯỞNG**



Trần Anh Tuấn

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THỦ TRƯỞNG**



Lê Khánh Hải

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các, đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở VH TTDL, Sở VH Thể thao, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ VH TTDL: Bộ trưởng, Thủ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, Thủ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ;
- Công Thông tin điện tử của Bộ VH TTDL, Bộ Nội vụ;
- Lưu: BVH TTDL (VT, Vụ TCCB), BNV (VT, Vụ CCVC, Vụ TL), VTN.500b.